TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **219**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 06/7/2017.
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mai Thị Đào Oanh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Khoa**.

2. Bà **Trần Thị Ngọc Hân**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang: Ông **Đoàn Hữu Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Võ Thị Thúy N** – sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn T –** sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N, anh T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 29/3/2017, tại các biên bản hòa giải nguyên đơn chị Võ Thị Thúy N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T cưới nhau vào năm 2009, do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên đi nhậu về kiếm chuyện chửi và đánh chị, xem thường gia đình của chị. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trung N1 – sinh ngày 06/10/2010. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng.

- Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại tờ tự khai ngày 14/4/2017, tại các biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian, điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống đến ngày 16/02/2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh đi đám cưới về không thấy chị N ở nhà, lúc đó anh đang say rượu nên anh có la chị N, đập phá đồ đạc trong nhà và có dọa đánh chị N. Nay anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N, do anh còn thương chị N nên anh muốn hai vợ chồng hàn gắn tình cảm.

- Về con chung: Có 01 con chung như chị N trình bày. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, anh T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị N vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh T. Về con chung, trong thời gian chị N và anh T ly thân, cháu N1 đang nghỉ hè nên hiện nay cháu N1 đang do anh T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, không có.

Bị đơn anh T yêu cầu được đoàn tụ và trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát phân tích mâu thuẫn giữa chị N và anh T phát sinh là do anh T nhậu nhẹt và có dùng vũ lực đối với chị N. Nay anh T không đồng ý ly hôn và anh T yêu cầu được đoàn tụ nhưng anh T không có biện pháp cụ thể để anh và chị N hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Về con chung, hiện nay cháu N1 còn nhỏ, qua xác minh tại địa phương xác nhận anh T thường xuyên nhậu nhẹt nên anh T không thể chăm sóc tốt cho cháu N1, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Võ Thị Thúy N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T, Hội đồng xét xử xét thấy chị N và anh T tự nguyện cưới nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống đến năm 2015 chị N và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt dẫn đến chị N và anh T thường xuyên cự cải, gây gổ nhau trong đó có lần cự cải anh T đã đánh chị N. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đồng ý ly hôn và anh T yêu cầu được đoàn tụ để anh với chị N tiếp tục chung sống với nhau nhưng chị N không đồng ý. Ngoài ra, quá trình chung sống chị N, anh T từng phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã có lần ly thân và hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau, nhưng anh chị không giải quyết được mâu thuẫn, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Trung N1 – sinh ngày 06/10/2010. Hiện nay cháu N1 đang do anh T nuôi dưỡng. Khi ly hôn cả chị N và anh T đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Tại phiên tòa chị N và anh T đều không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy theo biên bản xác minh ngày 05/4/2017 chính quyền địa phương xác định điều kiện gia đình của anh T tương đối ổn định nhưng anh T thường xuyên đi nhậu không chăm sóc được cháu N1, còn chị N có việc làm và có thu nhập ổn định. Để đảm bảo điều kiện cho cháu N1 được phát triển tốt về mặt thể chất và tâm lý, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được nuôi dưỡng cháu N1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung của chị N.

[4] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N và anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị N và anh T trình bày thống nhất quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị N đối với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên Xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Thúy N đối với anh Nguyễn Văn T.

Chị Võ Thị Thúy N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2/ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu xin được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trung N1 – sinh ngày 06/10/2010 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con của chị N. Buộc anh T giao cháu N1 cho chị N nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được ngăn cản người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

3/ Án phí: Chị Võ Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 38520 ngày 30/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên chị N đã thi hành xong.

4/ Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- UBND xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự.
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Đào Oanh